

## I - GHI NHỚ VỀ TỪ ĐỒNG NGHĨA

Từ đồng nghĩa (TĐN) là những từ có nghĩa giống nhau hoặc gần giống nhau. Có thể chia TĐN thành 2 loại:

- TĐN hoàn toàn (đồng nghĩa tuyệt đối): Là những từ có nghĩa hoàn toàn giống nhau, được dùng như nhau và có thể thay thế cho nhau trong lời nói.

V.D: xe lửa = tàu hoả

con lợn = con heo

- TĐN không hoàn toàn (đồng nghĩa tương đối, đồng nghĩa khác sắc thái): Là các từ tuy cùng nghĩa nhưng vẫn khác nhau phần nào sắc thái biểu cảm (biểu thị cảm xúc, thái độ) hoặc cách thức hành động. Khi dùng những từ này, ta phải cân nhắc lựa chọn cho phù hợp.

V.D: Biểu thị mức độ, trạng thái khác nhau: cuồn cuộn, lăn tăn, nhấp nhô,...(chỉ trạng thái chuyển động, vận động của sóng nước)

+ Cuồn cuộn: hết lớp sóng này đến lớp sóng khác, dồn dập và mạnh mẽ.

+ Lăn tăn: chỉ các gợn sóng nhỏ, đều, chen sát nhau trên bề mặt.

+ Nhấp nhô: chỉ các đợt sóng nhỏ nhô lên cao hơn so với xung quanh.

## II - BÀI TẬP THỰC HÀNH TỪ ĐỒNG NGHĨA LỚP 5

### Bài 1:

Phân biệt sắc thái nghĩa của những từ đồng nghĩa (được gạch chân) trong các dòng thơ sau:

a. Trời thu xanh ngắt mấy tầng cao. (Nguyễn Khuyến)

- b. Tháng Tám mùa thu xanh thắm. (Tố Hữu)
- c. Một vùng cỏ mọc xanh rì. (Nguyễn Du)
- d. Nhớ từ sóng Hạ Long xanh biếc. (Chế Lan Viên)
- e. Suối dài xanh mướt nương ngô. (Tố Hữu)

**Bài 2:**

Trong mỗi nhóm từ dưới đây, từ nào không cùng nhóm với các từ còn lại:

- a - Tổ tiên, tổ quốc, đất nước, giang sơn, sông núi, nước nhà, non sông, nước non, non nước.
- b - Quê hương, quê quán, quê cha đất tổ, quê hương bản quán, quê mùa, quê hương xứ sở, nơi chôn rau cắt rốn.

**Bài 3:**

Tìm từ lạc trong dãy từ sau và đặt tên cho nhóm từ còn lại:

- a. Thợ cấy, thợ cày, thợ rèn, thợ gặt, nhà nông, lão nông, nông dân.
- b. Thợ điện, thợ cơ khí, thợ thủ công, thủ công nghiệp, thợ hàn, thợ mộc, thợ nề, thợ nguội.
- c. Giáo viên, giảng viên, giáo sư, kĩ sư, nghiên cứu, nhà khoa học, nhà văn, nhà báo.

**Bài 4:**

Chọn từ ngữ thích hợp nhất trong các từ sau để điền vào chỗ trống: im lìm, vắng lặng, yên tĩnh.

Cảnh vật trưa hè ở đây ..., cây cối đứng..., không gian..., không một tiếng động nhỏ.

**Bài 5:**

Tìm các từ ghép được cấu tạo theo mẫu:

a) Thợ + X

b) X + viên

c) Nhà + X

d) X + sĩ

**Bài 6:**

Chọn từ ngữ thích hợp trong ngoặc đơn để hoàn chỉnh từng câu dưới đây:

a) Câu văn cần được (đẽo, gọt, gọt giũa, vót, bào) cho trong sáng và súc tích

b) Trên sân trường, mấy cây phượng vĩ nở hoa (đỏ au, đỏ bưng, đỏ đắn, đỏ hoe, đỏ gay, đỏ chói, đỏ quạch, đỏ tía, đỏ ửng).

c) Dòng sông chảy rất (hiền hoà, hiền lành, hiền từ, hiền hậu) giữa hai bờ xanh mướt lúa ngô.

**Bài 7:**

Tìm và điền tiếp các từ đồng nghĩa vào mỗi nhóm từ dưới đây và chỉ ra nghĩa chung của từng nhóm:

a) Cắt, thái, ...

b) To, lớn,...

c) Chăm, chăm chỉ,...

**Bài 8:**

Dựa vào nghĩa của tiếng “hoà”, chia các từ sau thành 2 nhóm, nêu nghĩa của tiếng “hoà” có trong mỗi nhóm:

Hoà bình, hoà giải, hoà hợp, hoà mình, hoà tan, hoà tấu, hoà thuận, hoà vốn.

**Bài 9:**

Chọn từ ngữ thích hợp nhất (trong các từ ngữ cho sẵn ở dưới) để điền vào từng vị trí trong đoạn văn miêu tả sau:

Mùa xuân đã đến hẳn rồi, đất trời lại một lần nữa ..., tất cả những gì sống trên trái đất lại vươn lên ánh sáng mà..., nảy nở với một sức mạnh khôn cùng. Hình như từng kẽ đá khô cũng ... vì một lá cỏ non vừa ..., hình như mỗi giọt khí trời cũng..., không lúc nào yên vì tiếng chim gáy, tiếng ong bay. (Theo Nguyễn Đình Thi)

(1): tái sinh, thay da đổi thịt, đổi mới, đổi thay, thay đổi, khởi sắc, hồi sinh.

(2): sinh sôi, sinh thành, phát triển, sinh năm đẻ bảy.

(3): xoắn xang, xao động, xao xuyến, bồi hồi, băng ngang, chuyển mình, cựa mình, chuyển động.

(4): bật dậy, vươn cao, xoè nở. nảy nở, xuất hiện, hiển hiện .

(5): lay động, rung động, rung lên, lung lay.

**Bài 10:**

Tìm những từ cùng nghĩa chỉ màu đen để điền vào chỗ trống trong các từ dưới đây:

Bảng.... ; vải.... ; gạo.... ; đũa..... ; mắt.... ; ngựa.... ; chó.....

**III - GỢI Ý - ĐÁP ÁN PHẦN BÀI TẬP THỰC HÀNH TỪ ĐỒNG NGHĨA****Bài 1:**

- a. Xanh một màu xanh trên diện rộng.
- b. Xanh tươi đậm thắm.
- c. Xanh đậm và đều như màu của cây cỏ rậm rạp.
- d. Xanh lam đậm và tươi ánh lên.
- e. Xanh tươi mỡ màng.

**Bài 2:**

- a - Tổ tiên.
- b - Quê mùa.

**Bài 3:**

- a. Chỉ nông dân (từ lặt: thợ rèn)
- b. Chỉ công nhân và người sản xuất thủ công nghiệp (từ lặt: thủ công nghiệp)
- c. Chỉ giới trí thức (từ lặt: nghiên cứu)

**Bài 4:**

Lần lượt: yên tĩnh, im lìm, vắng lặng.

**Bài 6:**

- a) gọt giũa
- b) Đỏ chói.
- c) Hiền hoà

**Bài 7:**

a) ...xắt, xắn, xẻo, pha, chặt, băm, chém, phát, xén, cưa, xẻ, bổ,...

(Nghĩa chung: chia cắt đối tượng thành những phần nhỏ (bằng dụng cụ))

b) ...to lớn, to tướng, to tát, vĩ đại,...

(Nghĩa chung: Có kích thước, cường độ quá mức bình thường)

c) ...siêng năng, chịu khó, cần cù, chuyên cần,...

(Nghĩa chung: Làm nhiều và làm đều đặn một việc gì đó)

**Bài 8:**

- Nhóm 1: hoà bình, hoà giải, hoà hợp, hoà thuận, (tiếng hoà mang nghĩa: trạng thái không có chiến tranh, yên ổn)

- Nhóm 2: hoà mình, hoà tan, hoà tấu (tiếng hoà mang nghĩa: trộn lẫn vào nhau)

**Bài 9:**

Là các từ đã gạch chân (theo văn bản gốc). Song theo ý kiến cá nhân người soạn thì ở đáp án (1) cũng có thể điền từ “thay da đổi thịt”.

**Bài 10:**

Bảng đen, vải thâm, gạo hẩm, đũa mun, mắt huyền, ngựa ô, chó mực.